TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/HS-ST
Ngày 05 - 9 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Sùng Thị Sua, ông Sùng A Dinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cầm Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2026/TLST - HS ngày 18/8/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HS ngày 24/8/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn V** - Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh năm 1980 tại tỉnh Điện Biên; Căn cước công dân số: 011080004700, cấp ngày 13/7/2023, nơi cấp: Cục C về trật tự xã hội; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản H, xã Q, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: lớp 8/12; Dân tộc: Khơ Mú; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Ó - Sinh năm 1942 và bà Lò Thị S - sinh năm 1954; Vợ là Lò Thị N - Sinh năm 1982 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án, năm 1999 bị TAND tỉnh Lai Châu (nay là TAND tỉnh Điện Biên) xét xử phúc thẩm tại Bản án số 28/HSPT ngày 03/11/1999 tuyên giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 94/HSST ngày 13/9/1999 của TAND huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (nay là TAND khu vực 3 – Điện Biên) 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/6/2000, bị cáo chưa thi hành xong án phí HSPT 50.000 đồng (chưa được xóa án tích); Nhân thân: Năm 2011 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số 02/QĐ-XPHC ngày 17/02/2011, bị cáo đã nộp phạt xong ngày 18/02/2011 được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Tạm giữ từ ngày 08/5/2026 đến ngày 17/5/2026; tạm giam từ ngày 17/5/2026 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đình T – Là Trợ giúp viên pháp

lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Đấu giá tài sản tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 08/5/2026 do phải đi phát nương thuê mệt, nên bị cáo nảy sinh ý định tìm mua ma túy sử dụng. Bị cáo một mình đi bộ từ nhà tại bản H, xã Q, tỉnh Điện Biên đến khu vực ngã ba đường quốc lộ 6 cũ thuộc bản Có (nay là bản X), xã Q thì bị cáo gặp một người đàn ông giới thiệu tên T1, bị cáo không quen biết, không biết địa chỉ. Qua trao đổi bị cáo mua được của T1 01 gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được bị cáo mang về nhà cất giấu dưới đệm ngủ của mình. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày khi bị cáo đang ở nhà thì bị tổ công tác Công an xã Q phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ dưới đệm ngủ của bị cáo 01 gói Heroine có khối lượng 0,46 gam làm mẫu vật gửi giám định toàn bộ; Cơ quan điều tra đã thu mẫu nước tiểu của bị cáo gửi giám định.

Tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của bị cáo Cơ quan điều tra không thu giữ gì.

Quá trình điều tra, tại phiên toà bị cáo khai nhận mục đích bị cáo mua ma túy để sử dụng, nhưng chưa sử dụng đã bị Tổ công tác Công an bắt quả tang và thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định số 487/KL- KTHS ngày 14/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Vật chứng gửi giám định có khối lượng 0,46 gam là chất ma túy: Loại Heroine. H mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,4 gam.

Tại bản Kết luận giám định số 488/KL-KTHS ngày 14/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu nước tiểu của Lò Văn V.

Cáo trạng số 35/CT-VKSKV3 ngày 18/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn V về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025), xử phạt bị cáo từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 0,4 gam Heroine hoàn lại sau giám định; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 vỏ phong bì niêm phong cũ;

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, nhất trí với tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp trong khung đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung; đề nghị xử lý vật chứng theo quy định và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì bổ sung vào Bản luận cứ bào chữa.

Trong phần tranh luận do các ý kiến của người bào chữa đồng nhất với ý kiến đại diện Viện kiểm sát về tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, việc không áp dụng hình phạt bổ sung, việc miễn án phí và việc xử lý vật chứng nên các bên không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội:

Hồi 06 giờ 00 phút, ngày 08/5/2026, tại nhà của mình ở bản H, xã Q, tỉnh Điện Biên bị cáo bị tổ công tác Công an xã Q và tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ bắt quả tang khi đang tàng trữ 0,46 gam Heroine nhằm mục đích để sử dụng.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến bắt quả tang bị cáo, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết quả thu giữ vật chứng; biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, bản kết luận giám định.

Với hành vi, khối lượng ma tuý bị thu giữ thì bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của bị cáo còn tiếp tay cho tội phạm về ma túy tồn tại và phát triển, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, vì vậy cần phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 1999 bị TAND tỉnh Lai Châu (nay là TAND tỉnh Điện Biên) xét xử phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm mức hình phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đến ngày phạm tội (ngày 08/5/2026) bị cáo chưa chấp hành xong phần án phí hình sự phúc thẩm 50.000đồng tại Bản án số 28/HSPT ngày 03/11/1999, xác định bị cáo có 01 tiền án, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và cần xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Về nhân thân: Năm 2011 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép bị cáo đã nộp phạt xong và đã được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Bị cáo có bố đẻ là ông Lò Văn Ó được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa về tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của Cơ quan điều tra và quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản gì giá trị, thu nhập chỉ dựa vào sản xuất nông nghiệp. Do đó, xét đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu tài sản theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Biện pháp tư pháp và việc xử lý vật chứng: Đối với khối lượng 0,4 gam Heroine hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 vỏ phong bì niêm phong cũ là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về vấn đề khác có liên quan: Đối với người đàn ông tên T1 đã bán ma tuý cho bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được họ tên, địa chỉ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ

khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn V phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Xử phạt bị cáo Lò Văn V 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 08/5/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tịch thu tiêu hủy khối lượng 0,4 gam Heroine; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 vỏ phong bì niêm phong cũ.

Số vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam Tuần G, Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn V.

5. Về kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/9/2026).

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng HSNV, Lý lịch tư pháp Công an tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Phân trại tạm giam Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tòng Thị Lan